TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2025/QĐST-HNGĐ	*Cà Mau, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn S, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông **Lưu Văn Đ**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp M, xã C, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn Đ thỏa thuận thống nhất giao cháu Lưu Gia B, sinh ngày 29/5/2017 cho bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu B đang sống cùng bà N.

Ông Lưu Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng: Ông Lưu Văn Đ không phải cấp dưỡng cho cháu Lưu Gia B do bà Nguyễn Thị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản chung, về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lưu Văn Đ xác không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng; bà N tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0011262 ngày 18/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, bà N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
- UBND xã Châu Thới;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thụy Lan Chi